

28/3

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71-110

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22RHM

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28/03/2024

Phòng thi: D71-110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116422001	Trần Như Anh	06/06/2004	Nữ	7,0	6,0	6,5	001	A		
2	116422002	Phan Vũ Nam	11/09/2004	Nữ	9,0	6,25	7,7	002	Phan		
3	116422003	Lâm Tấn Đạt	09/01/2004	Nam	6,5	6,5	6,5	003	Phan		
4	116422004	Nguyễn Thành Đạt	04/04/2004	Nam	8,5	5,5	7,0	004	Phan		
5	116422005	Huỳnh Thái Trà	29/10/2004	Nữ	9,0	7,0	8,0	005	Chu		
6	116422006	Võ Hùng Hậu	30/08/2004	Nam	6,0	6,25	6,2	006	Phan		
7	116422007	Lý Kim Hòa	25/06/2003	Nữ	7,0	6,25	6,7	007	Phan		
8	116422008	Nguyễn Phạm Huy Hoàng	18/02/2004	Nam	8,5	6,25	7,9	008	Phan		
9	116422009	Nguyễn Đình Quang Huy	26/11/2004	Nam	5,5	6,25	5,9	009	Phan		
10	116422010	Nguyễn Thị Huyền	06/09/2004	Nữ	8,5	7,0	7,8	010	Phan		
11	116422011	Nguyễn Quốc Đồng Kha	11/11/2004	Nam	7,0	7,25	7,2	011	Phan		
12	116422012	Nguyễn Viên Luận Khai	02/12/2004	Nam	8,5	7,0	7,8	012	Phan		
13	116422013	Nguyễn Đăng Khoa	05/03/2004	Nam	6,0	7,75	6,9	013	Phan		
14	116422014	Đinh Ngọc Linh	14/07/2003	Nam	6,5	5,0	5,8	014	Phan		
15	116422015	Trần Thùy Linh	19/08/2004	Nữ	8,5	8,0	8,3	015	Phan		
16	116422016	Hoàng Thị Loan	28/06/2004	Nữ	8,5	5,5	7,0	016	Phan		
17	116422017	Võ Hoàng Long	25/04/2004	Nam	9,0	7,75	8,4	017	Phan		
18	116422018	Nguyễn Thành Nam	07/04/2004	Nam	10,0	6,75	8,4	018	Phan		
19	116422019	Đào Thị Thanh Ngân	16/08/2004	Nữ	9,0	7,5	8,3	019	Phan		
20	116422020	Lương Kim Ngân	05/01/2004	Nữ	9,0	6,5	7,8	020	Phan		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50%, Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phan Thị Như An

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học Kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

28/3

071 111

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28/3/2024

Phòng thi: 071 111

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22RHM

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116422021	Tạ Bảo Ngân	17/04/2004	Nữ	5,5	5,5	5,5	001	<u>022</u>		
2	116422022	Hồ Hiếu Nghĩa	26/04/2004	Nam	8,0	5,5	6,8	002	<u>02</u>		
3	116422023	Huỳnh Ngọc Thảo	26/02/2004	Nữ	9,0	6,5	7,8	003	<u>thao</u>		
4	116422025	Nguyễn Trần Quỳnh Như	05/08/2004	Nữ	9,5	6,5	8,0	004	<u>02</u>		
5	116422027	Nguyễn Thị Kim Oanh	13/08/2004	Nữ	8,0	7,5	7,8	005	<u>00</u>		
6	116422028	Nguyễn Thành Phát	01/06/2004	Nam	8,5	7,0	7,8	006	<u>02</u>		
7	116422029	Nguyễn Châu Hồng Phúc	28/01/2004	Nam	4,5	7,3	5,9	007	<u>02</u>		
8	116422032	Lê Hoàng Quyên	13/10/2004	Nữ	8,0	6,8	7,4	008	<u>02</u>		
9	116422033	Lê Tú Quyên	04/01/2003	Nữ	9,0	7,5	8,3	009	<u>quyen</u>		
10	116422034	Phạm Thu Quyên	14/06/2003	Nữ	8,5	6,5	7,5	010	<u>02</u>		
11	116422035	Lê Ngọc Quỳnh	26/08/2004	Nữ	7,5	7,5	7,5	011	<u>02</u>		
12	116422036	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	22/01/2004	Nữ	9,0	6,5	7,8	012	<u>02</u>		
13	116422038	Nguyễn Trọng Tấn	16/04/2004	Nam	8,5	6,5	7,5	013	<u>Tan</u>		
14	116422039	Hoàng Công Tấn	26/01/1991	Nam	10,0	7,0	8,5	014	<u>02</u>		
15	116422040	Nguyễn Thị Thao	25/01/2004	Nữ	8,0	5,3	6,7	015	<u>thao</u>		
16	116422041	Phan Khắc Thuần	09/04/2004	Nam	4,5	7,5	6,0	016	<u>Bhuan</u>		
17	116422042	Trần Mỹ Tiên	06/02/2004	Nữ	8,5	8,5	8,5	017	<u>02</u>		
18	116422043	Nguyễn Chí Toán	26/10/2004	Nam	8,5	8,0	8,3	018	<u>Toán</u>		
19	116422045	Trương Huỳnh Trâm	29/03/2004	Nữ	7,5	4,8	6,2	019	<u>02</u>		
20	116422046	Vũ Thị Trang	20/08/2004	Nữ	9,0	6,8	7,9	020	<u>Trang</u>		

Tổng số sv. hs trên danh sách: 20

Tổng số sv. hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: 000000 Vũ Thị Đào

Cán bộ coi thi 2: 000000

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: 000000 Tôn Sơn Lưu

Cán bộ kiểm tra: 000000

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22RHM

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Đánh thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28/3/2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	116422047	Đặng Thành	Trung	27/12/2004	Nam	4,0	6,5	5,3	004		
2	116422048	Mai Xuân	Trường	12/05/2004	Nam	7,5	5,0	6,3	005		
3	116422049	Lê Phương	Uyên	17/10/2004	Nữ	8,5	7,3	7,9	006		
4	116422051	Đình Quốc	Việt	09/08/2003	Nam	9,0	6,5	7,8	007		
5	116422052	Võ Hoàng	Vinh	18/12/2004	Nam	9,0	4,8	6,9	008		
6	116422054	Lê Chí	Khang	25/09/2003	Nam	9,0	6,0	7,5	009		
7	116422056	Thạch Nhật	Thanh	05/12/2003	Nam	5,0	5,3	5,2	010		

Tổng số sv. hs trên danh sách: 07

Tổng số sv. hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: 07

Điểm QT: 50 % Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trịnh Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ xem tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

28/3

071.109

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22PHCN

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28/03/2024

Phòng thí: 071.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	117322002	Trần Thị Kim Ngân	23/06/2004	Nữ	9,0	7,5	8,3	001	Ch		
2	117322004	Trần Hoàng Thiệt	09/10/2002	Nam	9,0	6,0	7,5	002	u		
3	117322005	Trần Duy Thịnh	02/07/2004	Nam	7,0	7,0	7,0	003	G		
4	117322007	Võ Nguyễn Anh Thư	15/08/2004	Nữ	9,5	8,0	8,8	004	Thap		
5	117322008	Phùng Nam Tú	28/10/2004	Nam	7,0	6,0	6,5	005	Thap		
6	117322010	Tô Hiếu Đang	27/07/2004	Nam	4,0	—	—	—	—		
7	117322011	Kim Ngọc Dương	10/07/2000	Nam	6,5	5,5	6,0	007	Thap		
8	117322012	Ngô Ngọc Hân	06/02/2004	Nữ	9,5	7,8	8,7	008	Thap		
9	117322015	Phạm Lê Phúc Khánh	09/02/2004	Nam	8,0	6,3	7,2	009	Thap		
10	117322016	Nguyễn Minh Ngọc Linh	05/09/2004	Nữ	4,5	5,3	4,9	010	Thap		
11	117322017	Kiên Thị Phương Mai	20/05/2004	Nữ	7,0	7,0	7,0	011	Thap		
12	117322018	Trần Văn Nguyên	27/11/2004	Nam	6,5	4,0	5,3	012	Thap		
13	117322019	Đỗ Phương Nhi	03/01/2004	Nữ	9,0	5,3	7,2	013	Thap		
14	117322022	Huỳnh Lê Hương Nhu	29/10/2004	Nữ	6,5	5,3	5,9	014	Thap		
15	117322023	Nguyễn Hoàng Phúc	25/05/2000	Nam	4,0	5,5	4,8	015	Thap		
16	117322024	Lê Đồng Minh Quang	03/08/2004	Nam	5,5	5,3	5,4	016	Thap		
17	117322026	Trị Thị Thu Thảo	16/01/1999	Nữ	9,5	8,0	8,8	017	Thap		
18	117322028	Trương Thị Huyền Trân	07/01/2004	Nữ	5,0	4,3	4,7	018	Thap		
19	117322029	Võ Trường Tú	27/10/2004	Nam	7,0	4,8	5,9	019	Thap		
20	117322030	Trần Nguyễn Tường Vy	27/06/2002	Nữ	9,0	5,3	7,2	020	Thap		

Tổng số sv. hs trên danh sách: 20

Tổng số sv. hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Lưu Nguyễn Anh phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm Q.T. 50 %; Điểm T.Đ. 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn Lâm

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22PHCN

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28 / 3 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	117322032	Lê Phạm Phước Thịnh	10/02/2004	Nam	7,0	5,5	6,3	003			
2	117322036	Khoa Gia Khang	31/08/2004	Nam	8,0	6,5	7,3	015			
3	117322037	Nguyễn Thanh Lộc	25/05/1994	Nam	6,0	4,8	5,4	016			
4	117322038	Lương Huỳnh Phương Toàn	02/07/2004	Nam	8,0	5,0	6,5	017			
5	117322039	Bảo Anh Ninh	24/09/2003	Nam	6,5	5,5	6,0	018			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Cán bộ coi thi 1: Thịnh Thị Anh Duyên

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Quang Hùng
Tôn Sơn Lâm

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

28/3

D71-113

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22K THY

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 03 / 2024

Phòng thi: D71-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118422005	Tô Thành Đạt	25/11/2004	Nam	7,0	6,3	6,7	001	<u>Dat</u>		
2	118422006	Lê Thành Được	15/09/2004	Nam	9,0	5,8	7,4	002	<u>Do</u>		
3	118422007	Cao Huỳnh Hoàng Gia	29/03/2004	Nam	5,5	5,0	5,3	003	<u>Gia</u>		
4	118422009	Trần Huỳnh Vũ Hòa	19/06/2003	Nam	6,5	6,0	6,3	004	<u>Hu</u>		
5	118422010	Trần Minh Khôi	19/10/2004	Nam	7,0	8,8	6,4	005	<u>ichoi</u>		
6	118422011	Lâm Ngọc Trung Kiên	09/10/2004	Nam	5,5	5,3	5,4	006	<u>Kien</u>		
7	118422013	Dương Thị Thùy Linh	11/07/2004	Nữ	9,5	5,8	7,7	007	<u>Thuy</u>		
8	118422014	Huỳnh Ngọc Minh	21/01/2004	Nam	4,0	5,8	4,9	008	<u>Minh</u>		
9	118422015	Nguyễn Thị Diễm My	06/02/2004	Nữ	7,5	6,5	7,0	009	<u>My</u>		
10	118422017	Kim Thế Ngọc	05/08/2004	Nam	5,0	6,3	5,7	010	<u>Ngoc</u>		
11	118422018	Trần Thanh Bảo Ngọc	13/12/2004	Nữ	7,0	6,5	6,8	011	<u>Ngoc</u>		
12	118422020	Trần Thị Triết Nhi	25/12/2004	Nữ	8,0	5,5	6,8	012	<u>Nhi</u>		
13	118422022	Thạch Thị Phương Thư	14/05/2004	Nữ	7,5	6,3	6,9	013	<u>Thuy</u>		
14	118422023	Trần Minh Triên	06/12/2004	Nam	8,5	5,8	7,2	014	<u>Tran</u>		
15	118422025	Lê Quốc Tuấn	10/06/2004	Nam	3,0	4,0	3,5	015	<u>Tuan</u>		
16	118422027	Thạch Lâm Hoàng Hải	03/12/2002	Nam	4,5	5,5	5,0	016	<u>Hai</u>		
17	118422030	Cao Hồ Thiên Lộc	24/07/2004	Nam	8,0	5,0	6,5	017	<u>Loc</u>		
18	118422032	Lâm Thị Ngọc Thơ	16/10/2004	Nữ	8,5	6,3	7,4	018	<u>Thuy</u>		
19	118422035	Trần Quốc Khải	27/06/2003	Nam	7,0	5,8	6,4	019	<u>Khai</u>		
20	118422041	Trần Thanh Luân	23/02/2004	Nam	4,0	6,5	5,3	020	<u>Luon</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50 % Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Phan Phan Hoa

Cán bộ coi thi 2: Thầy

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22KTHY

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28 / 3 / 2024

Phòng thi: ĐH.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118422044	Trương Thị Huỳnh Như	10/08/2004	Nữ	5,0	5,0	5,0	012	<u>nhu</u>		
2	118422045	Dương Thái Phong	09/05/2004	Nam	9,0	5,3	7,2	013	<u>phong</u>		7,2
3	118422046	Nguyễn Hoàng Tú	20/04/2003	Nam	3,5	5,3	5,3	014	<u>hoang</u>		

Tổng số sv. hs trên danh sách: 03...

Tổng số sv. hs dự đánh giá: 03...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03...

Tổng số tờ: 03...

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Anh Duyên

Điểm QT: 70 % Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Anh Duyên
Son Son

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần Thị Anh Duyên
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71.114

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22KT

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28/3/2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi trợ SV	Ghi chú
1	111922047	Trương Gia Hân	28/01/2004	Nữ	8,5	5,8	7,2	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 % Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi: Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22TTB

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28/3/2024

Phòng thi: Đ.T.1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	110122116	Lâm Văn Na	01/01/2003	Nam	6,0	4,5	5,3	011	<u>Ne</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Sơn Lâm

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

28/3

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

D71 112

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22TTA

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thí.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	110122004	Phạm Thành Tư Hân	26/02/2004	Nam	4,5	5,8	5,2	001			
2	110122027	Huỳnh Phạm Nhật An	30/09/2004	Nam	8,0	8,0	7,0	002			
3	110122035	Huỳnh Quốc Bảo	18/06/2004	Nam	6,5	6,8	6,7	003			
4	110122052	Lâm Trương Định	01/04/2004	Nam	5,5	6,3	5,9	004			

Tổng số sv. hs trên danh sách:.....

Tổng số sv. hs dự đánh giá:.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT 50 % Điểm KT 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22TYB

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc: 28/3/2024
Phòng thi: D7L 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	111322049	Bùi Bảo Minh	01/03/2003	Nam	6,5	6,0	6,3	005	<u>Minh</u>		
2	111322060	Huỳnh Thảo Nhân	11/05/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	006	<u>Nhân</u>		
3	111322062	Trần Lê Minh Nhật	11/12/2004	Nam	7,5	5,5	6,5	007	<u>Minh</u>		
4	111322075	Lữ Ngọc Tân	19/05/2004	Nam	7,0	6,3	6,7	008	<u>Tân</u>		
5	111322083	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/05/2004	Nữ	5,5	4,8	5,2	009	<u>Thảo</u>		
6	111322084	Phạm Thị Thanh Thảo	23/02/2004	Nữ	6,5	4,5	5,5	010	<u>Th</u>		
7	111322085	Thang Hiếu Thiên	07/11/2004	Nam	7,0	5,8	6,4	011	<u>Th</u>		
8	111322089	Huỳnh Anh Thư	12/01/2004	Nữ	6,0	6,3	6,2	012	<u>Anh</u>		
9	111322091	Nguyễn Thị Ngọc Thư	29/08/2004	Nữ	9,0	8,3	8,7	013	<u>Th</u>		
10	111322094	Nguyễn Lê Bảo Trâm	11/08/2004	Nữ	7,5	5,3	6,4	014	<u>Trâm</u>		
11	111322098	Phạm Huỳnh Hải Trâm	14/10/2004	Nữ	7,0	5,0	6,0	015	<u>Trâm</u>		
12	111322105	Phạm Vinh Tường	01/06/2003	Nam	8,0	5,3	6,7	016	<u>Tung</u>		
13	111322109	Trần Phú Vinh	18/03/2004	Nam	4,5	5,0	4,8	017	<u>Ph</u>		
14	111322112	Trương Tường Vy	11/10/2004	Nữ	6,0	4,3	5,2	018	<u>Vy</u>		
15	111322136	Trần Khởi Nguyệt	25/04/2004	Nữ	7,0	5,5	6,3	019	<u>Nguyệt</u>		
16	111322152	Nguyễn Thị Kim Thoa	10/11/2004	Nữ	7,0	5,0	6,0	020	<u>Thoa</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quang Hùng

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Kim Thoa

Điểm OT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Kim Thoa

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22YTC

CBGD: Nguyễn Quang Hùng (00589)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28/3/2024

Phòng thi: B71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116122005	Nguyễn Hữu Lộc	17/01/2004	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Trần Sơn Lâm

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Nhóm/Lớp (ghi mã): 06
Sĩ số: 18

Ngày đánh giá: 28 / 3 / 2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: D71.114

110122116

116422054

116422047

117322037

116422048

110422028

117322038

117322036

116422049

118422015

117322039

117322032

116422056

118422044

118422046

116422051

116422052

11922047

CBCT 1:

nhl Trình Thị Anh Duyên

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần:
Nhóm/Lớp (ghi mã):
Sĩ số:

Ngày đánh giá: / / 20

Thời gian làm bài: phút

Phòng thi:

046	045	043	042	041
035	036	038	039	040
034	033	032	029	028
021	022	023	025	027

CBCT 1: Vũ Thị Đào

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA22PHM
Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 28 / 03 / 2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: 071.110

007	014	
006	013	016
005	012	020
004	011	019
003	010	018
002	009	017
001	008	015

CBCT 1: Phan Thị Như An
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tủ tướng... Hồ Chí Minh
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA 22 PHCN
Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 28/03/2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: 071.109

007

029

022

015

005

028

019

012

004

026

018

011

002

024

017

010

030

023

016

008

CBCT 1: Anh Nguyễn Anh Phi

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam
Nhóm/Lớp (ghi mã): D22.KTH.X
Số: 20

Ngày đánh giá: 28. / 03. /2024
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: D71.113

118422041

118422025

118422017

118422010

118422035

118422023

118422015

118422009

118422032

118422022

118422014

118422007

118422030

118422020

118422013

118422006

118422027

118422018

118422011

118422005

CBCT 1:

Lưu Cao Dương phường Cầu

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Pháp luật kinh tế

Ngày đánh giá: 28/3/2024

Nhóm/Lớp (ghi mã): DA22LTX, DA22TYB

Thời gian làm bài:phút

Sĩ số:

Phòng thi: 108 112

105

058

060

049

109

061

062

052

112

091

085

045

116

089

083

028

152

085

084

024

CBCT 1: Nguyễn Văn Tuấn

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN